

V/v triển khai thực hiện công tác
kê khai tài sản, thu nhập năm 2025

Kính gửi:

- Các sở, ban ngành, đơn vị thuộc tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh;
- Các Doanh nghiệp Nhà nước thuộc tỉnh;
- Người đại diện phần vốn Nhà nước tại các công ty cổ phần.

Thực hiện Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 17/01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác phòng, chống tham nhũng tiêu cực năm 2025 của tỉnh Quảng Ngãi, Thanh tra tỉnh triển khai nhiệm vụ về kiểm soát tài sản, thu nhập như sau:

1. Tổ chức Kê khai và công khai bản kê khai tài sản, thu nhập

Đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị triển khai công tác kê khai tài sản, thu nhập tại đơn vị mình như sau:

- Xây dựng Kế hoạch kê khai và công khai bản kê khai tài sản, thu nhập đảm bảo theo quy định. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến cho các đơn vị trực thuộc, người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.

- Lập danh sách người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập lần đầu, hằng năm, bổ sung và phục vụ công tác cán bộ của năm 2025. ***Thời gian lập danh sách gửi về Thanh tra tỉnh theo dõi, tổng hợp trước ngày 10/12/2025 (có mẫu kèm theo).***

- Tổ chức hướng dẫn việc kê khai tài sản, thu nhập cho người có nghĩa vụ kê khai theo quy định tại Điều 34 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018. Trong đó, lưu ý hướng dẫn rõ các đối tượng thuộc trường hợp phải kê khai hàng năm, lần đầu, bổ sung thực hiện theo đúng quy định, cụ thể:

+ Đối với người lần đầu giữ vị trí công tác quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 34 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; việc kê khai phải hoàn thành chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày được tiếp nhận, tuyển dụng, bổ trí vào vị trí công tác.

+ Đối với kê khai phục vụ công tác cán bộ: Được thực hiện đối với những người có nghĩa vụ kê khai khi dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác. Việc kê khai phải hoàn thành chậm nhất là 10 ngày trước ngày dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác.

+ Đối với kê khai hàng năm: Được thực hiện đối với những người có nghĩa vụ kê khai quy định tại khoản 3 Điều 36 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Điều 10 Nghị định 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ. Việc kê khai phải hoàn thành trước ngày 31/12/2025.

+ Đối với kê khai bổ sung: Được thực hiện khi người có nghĩa vụ kê khai có biến động về tài sản, thu nhập trong năm có giá trị từ 300.000.000 đồng trở lên theo khoản 2 Điều 36 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

** Lưu ý: Những người thuộc diện kê khai hàng năm nếu có biến động về tài sản, thu nhập thì không thực hiện kê khai bổ sung riêng, mà thực hiện kê khai vào bản kê khai hàng năm. Các trường hợp thuộc đối tượng kê khai tài sản, thu nhập lần đầu và kê khai phục vụ công tác cán bộ phát sinh trong năm, ngoài việc lưu trữ theo hồ sơ cán bộ, còn phải gửi 01 bản cho Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận bản kê khai của người có trách nhiệm kê khai tài sản, thu nhập (không chờ đến cuối năm).*

- Chỉ đạo bộ phận tiếp nhận, quản lý bản kê khai tài sản, thu nhập tại đơn vị lập sổ theo dõi kê khai, giao nhận bản kê khai giữa người có nghĩa vụ kê khai với cơ quan, đơn vị; bàn giao Bản kê khai cho các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập đúng quy định. Trước khi giao nộp bản kê khai tài sản, thu nhập về cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập phải rà soát, kiểm tra bảo đảm đúng phụ lục, đầy đủ nội dung thông tin về tài sản, thu nhập kê khai theo quy định. ***Việc thực hiện kê khai tài sản, thu nhập tại các cơ quan, đơn vị phải hoàn thành trước ngày 31/12/2025.***

- Sau khi bàn giao Bản kê khai cho cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập, các cơ quan, đơn vị thực hiện công khai bản kê khai tài sản, thu nhập theo đúng quy định tại Điều 39 Luật phòng, chống tham nhũng 2018 và tại các Điều 11, 12, 13 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.

2. Bàn giao bản kê khai tài sản, thu nhập và báo cáo kết quả thực hiện

- Việc bàn giao các bản kê khai tài sản, thu nhập cho các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập thực hiện như sau:

+ Các cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập có trách nhiệm bàn giao 01 bản kê khai, thu nhập về Cơ quan kiểm soát tài sản thu nhập để quản lý, đồng thời phải lưu giữ 01 bản kê khai tài sản, thu nhập tại đơn vị theo quy định.

+ Đối với người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý thì bàn giao về Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy để kiểm soát tài sản, thu nhập theo khoản 6 Điều 3 Quy định ban hành kèm Quyết định số 56-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị.

+ Đối với người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của chính quyền địa phương (*trừ những trường hợp quy định tại các Khoản 1, 6, 8 Điều 3 Quy định ban hành kèm Quyết định số 56-QĐ/TW ngày*

08/02/2022 của Bộ Chính trị) thì bàn giao bản kê khai về Thanh tra tỉnh theo quy định (Có danh sách người tiếp nhận bản kê khai tài sản, thu nhập kèm theo).

Lưu ý: Những trường hợp được quy định tại khoản 8 Điều 3 Quy định ban hành kèm Quyết định số 56-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị “Ủy ban kiểm tra quận ủy, huyện ủy, thành ủy, thị ủy kiểm soát tài sản thu nhập của những người thuộc diện ban thường vụ quận ủy, huyện ủy, thành ủy, thị ủy quản lý và những người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập công tác trong các cơ quan đảng của huyện, xã, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này”, thì chờ hướng dẫn cụ thể của Thanh tra Chính phủ.

- Báo cáo kết quả thực hiện kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập tại đơn vị mình gửi về Thanh tra tỉnh chậm nhất ngày 15/01/2026 (có mẫu báo cáo kèm theo).

3. Những lưu ý khi triển khai kê khai tài sản, thu nhập

Đề nghị người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập lưu ý những nội dung, như sau:

3.1. Đối với từng trường hợp kê khai tài sản, thu nhập (*lần đầu, hàng năm, phụ vụ công tác cán bộ, bổ sung*) người có nghĩa vụ kê khai phải nghiên cứu và nắm kỹ các nội dung về Hướng dẫn kê khai tài sản, thu nhập tại Phần B Phụ lục I và Phụ lục II được ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ.

3.2. Việc kê khai các nội dung trong bản kê khai tài sản, thu nhập

Người có nghĩa vụ kê khai tài sản thu nhập phải nghiên cứu kỹ các quy định khi kê khai tài sản, thu nhập, cụ thể:

3.2.1. Theo quy định Điều 33 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018:

- Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập phải kê khai tài sản, thu nhập và biến động về tài sản, thu nhập ***của mình, của vợ hoặc chồng, con chưa thành niên.***

- Người có nghĩa vụ kê khai ***phải kê khai trung thực về tài sản, thu nhập, giải trình trung thực về nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm theo trình tự, thủ tục quy định*** tại Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kê khai tài sản, thu nhập.

3.2.2. Theo quy định tại Điều 35 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 quy định tài sản, thu nhập phải kê khai:

- Quyền sử dụng đất, nhà ở, công trình xây dựng và tài sản khác gắn liền với đất, nhà ở, công trình xây dựng;

- Kim khí quý, đá quý, tiền, giấy tờ có giá và động sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng trở lên;

- Tài sản, tài khoản ở nước ngoài;

- Tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai

Theo khoản 10, Mục II, Phần A Phụ lục I và Mục II Phần A Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ: Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai (*đối với người kê khai lần đầu không kê khai mục này*): Kê khai tổng thu nhập riêng theo 04 nội dung sau:

+ Tổng thu nhập của người kê khai: Ghi tổng thu nhập của người kê khai trong kỳ kê khai.

+ Tổng thu nhập của vợ/chồng của người kê khai: Kê khai tương tự.

+ Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Kê khai tương tự.

+ Tổng các khoản thu nhập chung: Thể hiện các khoản thu nhập phát sinh trong kỳ kê khai nhưng không thể tách riêng thành thu nhập của cá nhân nào. Trong trường hợp bán tài sản thì phải kê khai tổng số tiền đã bán tài sản vào mục này.

** Lưu ý: Thông tin tài sản, thu nhập kê khai theo hướng dẫn tại Phần B Phụ lục I và phần B Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ*

3.2.3. Biến động tài sản thu nhập; giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm

+ Trường hợp nếu không có biến động về tài sản thì ghi rõ ngay “*Không có biến động*” ngay sau tên mục III Phần A Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ.

+ Trường hợp có biến động tăng hoặc giảm tài sản, thu nhập thì phải giải trình rõ nguồn gốc tài sản, thu nhập để đảm bảo sự phù hợp giữa tài sản tăng, giảm với nguồn gốc để hình thành tài sản (*ví dụ như việc bán lô đất 02 tỷ đồng, sử dụng số tiền này gửi tiết kiệm 1,2 tỷ đồng, mua xe ô tô 0,8 tỷ đồng. Như vậy là cân đối sự biến động, giải trình rõ ràng, ...*).

+ Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai: Thể hiện chi tiết từng khoản thu nhập phải kê khai (*gồm các khoản: Lương, phụ cấp, trợ cấp, thưởng, thù lao, cho, tặng, biếu, thừa kế, tiền thu do bán tài sản, thu nhập hưởng lợi từ các khoản đầu tư, phát minh, sáng chế, các khoản thu nhập khác*) ở cột nội dung giải trình (*xem ví dụ tại Mục IV Phần B Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ*).

Thanh tra tỉnh đề nghị các cơ quan, đơn vị quan tâm triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh (báo cáo);
- Cục IV- Thanh tra Chính phủ;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy (đ/biết);
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy(đ/biết);
- Lãnh đạo Thanh tra tỉnh;
- Các cơ quan, đơn vị (có DS kèm theo);
- Văn phòng, các phòng NV - Thanh tra tỉnh;
- Lưu: VT.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**

Cao Đình Hòa